

THỬ TÌM HIỂU VÀI NGHI VẤN TRONG LỊCH SỬ VIỆT

Ông Đỗ Hữu Huệ và nhà thơ Dương thanh Phong thuyết trình tại Câu Lạc Bộ
Thiên Thơ Việt Nam Hải Ngoại ngày 13-12-09.

Kính thưa quý vị quan khách
Thưa quý vị trường thượng,
Thưa quý anh chị em

Tôi nghĩ mãi không biết nói gì? viết gì? chợt nhớ hôm 15 tháng 11 vừa qua anh em đang trong khi thảo luận về “*thu với thi nhân*” thì lại có vài anh em đưa vài nghi vấn lịch sử trong sử Việt Nam. Khi về nhà, tôi kiếm cuốn *Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca* của Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái mà Hoàng xuân Hãn siu tầm ra đọc, mới nảy sinh một vài ý kiến thô thiển, xin được trình bày cùng anh chị em, nếu có điều gì chưa được thông suốt mong anh em chỉ giáo cho.

Thưa quý vị,

Bài này chia làm hai phần, tôi, Đỗ Hữu Huệ xin trình bày phần thứ nhất thuộc về cuộc khởi nghĩa của hai bà Trưng còn phần hai thì nhà thơ Dương thanh Phong nói về nhà Tây Sơn.

Nói đến sử, thật là một đề tài quá lớn, nhất là nguồn gốc của một dân tộc như dân Việt Nam ta chẳng hạn, thì thật rối mù cả lên, ai giám nói là mình viết chính xác trăm phần trăm. Theo Lĩnh Nam Trích Quái thì nguồn gốc dân tộc Việt, cha là Lạc Long Quân, mẹ là Âu Cơ.

Do đó chúng ta mới là con cháu Rồng Tiên, đó là một truyền thuyết, một tô tem mà dân tộc nào cũng có, tin hay không tin thì nó vẫn là huyền sử.

Như vậy, sử đáng tin cậy nhất là từ khi loài người có ngôn ngữ mới có thể kể chuyện cho nhau nghe, có văn tự để ghi chép những chuyện xảy ra cho mình. Nhưng cũng không thể tin cậy một cách mù quáng vào các nhà viết sử vì thường họ bị các thế lực chính trị khống chế, các chính quyền ép buộc phải viết theo ý họ, cho nên đọc lịch sử ta cần phải tìm hiểu thật cẩn thận, phải sàng lọc cho thật khách quan, không thiên lệch, không tư kiến.. Tuy nhiên nói thì dễ nhưng thực hành thật quả là vấn đề nan giải.

Trong phạm vi bài thuyết trình hôm nay, **chúng tôi xin nêu hai vấn đề thảo luận**, hai vấn đề này đều nằm trong cuốn “*Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca*” của Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái biên soạn bằng văn vần, thể lục bát, do Hoàng xuân Hãn đề tựa và dẫn giải:

Phần một-Hai Bà Trưng đánh giặc Hán:

Trước khi đi vào bình luận hai đoạn văn trên, xin phép quý vị ta lược qua tiểu sử tác giả cuốn “*Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca*”. Cuốn VNQSDC gồm một phần nguyên văn của Lê Ngô Cát, nguyên án sát Cao bằng vâng lệnh vua Tự Đức soạn ra, không kể các người khác nhuận chính, và một phần của Phạm Đình Toái.

Bản Lê Ngô Cát có: 1887 câu
Thêm bớt vào còn có: 1027 câu
Trong đó nguyên tác có: 396 câu
đổi mới : 631 câu

Cuốn sách này có : 2054 câu

Phạm Đình Toái, người tỉnh Nghệ An, huyện Quỳnh Lưu, thôn Quỳnh Đôi dòng dõi khoa bảng, tự Thiệu Du đậu cử nhân khoa Thiệu Trị năm Nhâm dần (1842), làm tri huyện, tri phủ, án sát, bổ chánh... bị cách chức nhiều lần, sau cùng được phục chức tri phủ Lâm thao (1869), Xin trích đoạn :

Hai bà Trưng dựng nền độc lập:

Đường ca lâu đã vắng lời

Đến như Tô Định là người chí hung

Bà Trưng quê ở Châu phong

Giận người tham bạo, thù chồng chẳng quên

Chị em nặng một lời nguyện

Phất cờ nương tử, thay quyền tướng quân

Ngàn Tây, nổi áng phong trần

Ầm ầm binh mã, xuống gàn Long Biên(1)

Hồng quân, nhẹ bước chinh yên

Đuổi ngay Tô Định, dẹp yên biên thành(2)

Đô kỳ, đóng cõi Mê Linh(3)

Lĩnh Nam(4) riêng một, triều đình nước ta

Ba thu, gánh vác sơn hà

Một là báo phục, hai là bá vương

Uy thanh, động đến Bắc phương

Hán sai Mã Viện, lên đường tiên công

Hồ Tây đua sức vẫy vùng

Nữ nhi chống với, anh hùng được nao?

Cầm Khê, đến lúc hiểm nghèo

Chị em thất thế, cũng liều với sóng

Phục Ba, mới dựng cột đồng

Ái quan truyền dấu, biên công cõi ngoài

Trưng vương vắng mặt còn ai ?

Đi về thay đổi, mặc người Hán quan

Câu 329-352 trong ĐNQSĐC

Chú Thích:

- (1) Long Biên: Trị sở Giao Châu vùng Thuận Thành, sách ta thường chép lầm là Hà-nội.
- (2) Biên thành: Thành biên giới.
- (3) Mê Linh: Nay làng Hạ Lôi, phủ Yên Lãng, tỉnh PhúcYên.
- (4) Lĩnh Nam: Phía nam núi Ngũ Lĩnh, phía bắc tỉnh Quảng Tây

Lời giải:

Đầu thế kỷ thứ nhất, thái thú quận Giao Chi là Tô Định là người tàn ác, lòng dân oán giận. Tô Định giết Thi Sách là chồng bà Trưng Trắc. Bà Trưng Trắc cùng em là Trưng Nhị nổi lên đem quân đánh Tô Định. Tô Định chạy trốn, hai bà chiếm Long Biên và 64 thành nữa, rồi xưng làm vua, đóng đô ở Mê Linh (làng Hạ Lôi, tỉnh Phúc Yên bây giờ). Được ba năm, nhà Hán sai Mã Viện là một người tướng giỏi và lão huyện đem quân sang đánh. Hai bên đánh nhau ở Hồ Tây (Hà nội) mấy lần, quân hai bà không địch nổi phải rút về Cầm Khê (Vĩnh Yên) phủ Vĩnh Tường. Mã Viện lại tiến đánh Cầm Khê, quân hai bà tan

võ. Hai bà chạy đến xã Hát Môn (tỉnh Sơn Tây) thì gieo mình xuống sông Hát Giang mà tự tử. Hát giang là chỗ sông Đáy, tiếp giáp sông Hồng hà. Bấy giờ là ngày 6 tháng 2 năm quý mao (tức là 43s. G.s.) từ đây nước ta thuộc về nhà Hán.

Trước khi rút quân về, Mã Viện sai dựng một cây cột đồng ở biên giới Giao Chỉ để ghi võ công của mình. Bấy giờ không biết cột đồng ở đâu! Các sách Tàu và ta đều nói ở vùng Lạng Sơn, chắc lắm. Có thuyết nói ở gần Đèo Ngang, phía Nam Hà Tĩnh, trên đảo con ở Vũng Chùa. Đó là giới hạn nước Hán vì nước Hán gồm cả Giao Chỉ.

Trích trang 75-76 trong ĐNQSĐC.

Lời bình:

Thưa quý vị, thưa quý bạn

Xét về hình thức đoạn thơ trên: ta thấy cách gieo vần chính xác

Văn phong: Trôi chảy, nhẹ nhàng

Nhưng chỗ nối kết giữa đoạn:

Đường ca lâu đã vắng lời

Đến như Tô Định là người chí hung

Với đoạn:

Bà Trưng quê ở Châu Phong

Giận người tham bạo, thù chồng chẳng quên.

thì không được chặt chẽ, liên tục như dòng nước chảy đến chỗ đó bị vật cản nên sức nước bị khựng lại, rồi lại tiếp tục chảy.

Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên

Đoạn thơ này viết quá ngắn không nói rõ chồng bà là ai? (Thi Sách, người Việt) làm gì? (Làm quan cho nhà Hán dưới quyền Tô Định) Lý do bị Tô Định giết (có ý muốn phục quốc) khiến cho người đọc tưởng là bà Trưng tức giận vì chồng bị giết nên mới nổi loạn, tác giả không làm rõ được ý chí phục quốc của Thi Sách và hai bà Trưng đã có từ lâu nhưng đang trong thời kỳ luyện binh, tuyển tướng chuẩn bị chiến trường chưa chín mùi, Thi Sách bị giết bất ngờ khiến hai bà phải hành động quyết liệt, đó cũng là cái cơ chính đáng để tổng khởi nghĩa nhưng ở thế bị động, lâm vào thế triệt buộc, thật đáng tiếc!

Xin quý vị đọc tiếp:

Uy thanh động đến Bắc phương

Hán sai Mã Viện lên đường tiến công

Hồ Tây đưa sức vẫy vùng

Nữ nhi chống với anh hùng được nao

Chữ uy thanh: *tôi nghĩ tả chưa đúng với tình trạng hoang mang, hoảng sợ của vua tôi nhà Hán khi được tin hai người đàn bà quê mùa, rừng rú, man rợ của dân Man di đã bị “Thiên Triều” không chế hàng mấy thế kỷ nhưng bây giờ đã nổi dậy đánh đuổi được quân “Thiên Triều” ra khỏi bờ cõi mà còn xưng hùng xưng bá hàng ba năm trời, đâu có phải là chuyện bình thường, nó phải là một tiếng nổ kinh thiên động địa, không những*

vang khắp cả vùng Hán địa mà còn làm rúng động đến cả các chư hầu chung quanh Hán, bọn Tử Di ngoại địch, khiến vua tôi nhà Hán phải vội đến Mã Viện, một viên tướng hạng nhất, đường cột của nhà Hán lúc bấy giờ, mang quân bách chiến bách thắng, quyết diệt cho bằng được “**hai mẹ nhà quê**” bằng bất cứ giá nào. Khi mang quân trở về, Mã Viện còn chôn cột đồng để thị uy với dân Giao Chỉ và các lân bang.

Vì vậy tôi đề nghị sửa chữ uy thanh thành âm vang cho nó mạnh, đúng với sự việc xảy ra lúc bấy giờ: Âm vang động đến Bắc phương
Hán sai Mã Viện, lên đường tiến công

Bây giờ xin quý vị cùng xét câu :

Nữ nhi chống với anh hùng được nao

“Câu này tỏ ra rằng đàn bà con gái không bao giờ thắng được bọn đàn ông con trai”. Đó là định luật hầu như bất di bất dịch của đông phương, của Khổng sơn Trình, trọng nam khinh nữ. Nếu Phạm đình Toái là người Tàu, viết sử như vậy thì ta không đáng trách nhưng Phạm đình Toái lại là người Việt, viết sử Việt mà lai ca tụng kẻ địch là anh hùng, làm giảm nhuệ khí của mình, một tinh thần chủ bại của bọn văn nhược, chưa đánh đã sợ thua rồi, **làm mất chí chiến đấu tự lực tự cường của dân tộc Việt, dưới sự lãnh đạo của hai Bà**. Có lẽ đó là ảnh hưởng quá nặng tinh thần bành trướng Hán tộc, hay là Phạm đình Toái chưa sử dụng ngôn từ đúng với lập trường khách quan của một sử quan chăng?

Vậy xin đề nghị sửa: **Thế cô chống với quân hùng được sao?**

Trân trọng cảm ơn quý vị.

Phần thứ hai buổi thuyết trình, tôi xin giới thiệu nhà thơ Dương thanh Phong đảm trách.

Thưa quý vị quan khách

Thưa anh chị em trong Câu Lạc Bộ Thiên thơ.

Để khỏi mất thì giờ, Dương thanh Phong tôi xin nói ngay vào phần hai của đề tài:

Phần Hai-Người viết sử Phạm Đình Toái viết về nhà Tây Sơn gọi là Ngụy Tây, hay giặc Tây.

2.1 **Nguyễn Huệ ra Bắc lần thứ nhất:**

Tin đồn nghe đến **giặc Tây**

Tiền mưu còn rắp định ngày xuất chinh

Có tên Hữu Chinh tài danh

Nhân khi tao loạn, đem mình hàng Tây

Cơ quan, mưu lược vẽ bầy

Cam lòng nước cũ, mượn tay người ngoài

Tây Sơn biết rõ một hai

Chia quân thủy bộ, quyết bài kéo ra

Ngọn cờ, trở lối sơn pha

Hải Vân đồn trấn, đâu là chẳng tan?

Cánh buồm dè lớp cuồng lan

Cát đình, Động hải, quân quan chạy dài

Ngụy Tây còn sợ mặt ngoài

Rắp ngăn Trường lũy, tính bài phân vương

Khéo đâu Chinh lại đưa đường
Rằng: “Trong sự thế, chi nhường cho ai?
Tuớng công, uy nhúc biên trời
Này cơ phát trúc, hấn mười chẳng xa
Bấy lâu, họ Trịnh gian tà
Binh kiêu dân oán, ắt là bại vong
Uy trời, ai giám tranh phong
Hãy xin thừa thắng, ruổi giông cõi ngoài”
Phải chăng, Huệ mới nghe lời
Lại cho Nguyễn Chinh, lĩnh bài tiên phong
Lá buồm theo ngọn gió đông
Vượt qua cửa bể, vào sông Vị Hoàng
Quân dung, đâu mới lạ nhường
Mão mao áo đỏ, chạt đường kéo ra
Câu: 1803-1830

Lời giải: Nguyễn Nhạc ở phía Nam biết rõ tình hình Bắc hà, đã có ý đem quân ra đánh, lại nhân dịp được Nguyễn Hữu Chinh, người Nghệ An, trước đồ hương cống (cử nhân) và theo giúp Quận Huy Hoàng đình Bảo, nay vào hàng và bày mưu kế. Nguyễn Nhạc sai em là Nguyễn Huệ, rêu là Võ văn Nhậm và Nguyễn hữu Chinh đem quân ra lấy Thuận Hoá (1786). Nguyễn Huệ lấy xong Thuận Hóa còn e dè, muốn đóng đồn ở dãy trường Dục (thuộc Quảng Bình) để giữ. Hữu Chinh khuyên thừa thế đánh ra Bắc, Nguyễn Huệ liền sai Nguyễn Hữu Chinh làm tiên phong đem thủy quân ra cửa Đại an và đánh vào đồn lương của quân Trịnh trên sông Vị Hoàng (Nam định). Ở kinh thành, chúa Trịnh còn lúng túng chưa thu xếp xong, quân Tây Sơn đã đóng ở Vị Hoàng. Quân Tây Sơn đội mũ lông, mặc áo đỏ, kéo đầy đường đến cửa Luộc (tỉnh Hưng Yên) **Trích trang 209**

Thưa quý vị,
Ngay câu thơ đầu đoạn, tác giả đã xác định **Tây Sơn là giặc**, thật là bất công. hồ đồ và thiên lệch:

Tin đồn nghe đến giặc Tây

Và:

Ngụy Tây còn sợ mặt ngoài

Thật là cố chấp và ngang ngược, càng về sau giọng văn của tác giả ĐNQSĐC càng tức tối, vu khống, vô bằng vô cứ, đối với Nguyễn Huệ:

2.2 Nguyễn Huệ trả quyền Lê Hiển Tông

Ngụy Tây vốn kẻ hung tàn

Còn e người chôn Bắc Hà khó xong

Phù Lê có biểu mặt phong

Mặt ngoài trung nghĩa, trong lòng gian phi

Hiển Tông tuổi tác đã suy

Nghe tin binh biến, biết gì là đâu

Vừa khi Nguyễn Huệ vào hầu

Vấn an lại kể, gót đầu đình ninh

Rằng: “Nghe họ Trịnh cường hoành

Vậy đem quân nghĩa, quét thanh bụi trần

Chủ chương, mừng thấy đông quân
Thái bình cây cỏ, được nhuận hơi mưa”
Phúc lành, chúc chữ cứu như
Của tin mấy quyền, đồ thư dâng vào
Bệ rồng ban chiếu tinh bao
Gia phong Nguyễn Huệ, đương trào quốc công
Ngọc Hân vừa trạc đào hồng
Ép duyên kim cải, kết lòng sài lang
Đương cơn đồng bác ngọn ngang
Thực hư chưa tỏ, biến thường ai tin
Hơi tàn gần trở gót tiên
Lại vời Nguyễn Huệ, gửi quyền quốc gia
Một hai xin trở về nhà
Bóng đèn tiếng búa(1) giám là dị duyên(2)
Câu: 1841-1862

Chú thích:(1) **Bóng đèn, tiếng búa:** Vua Tống Thái Tổ nước Tàu trước khi chết gọi riêng em vào dặn bảo, mọi người phải lui ra xa, chỉ trông thấy bóng đèn và nghe thấy tiếng búa.

(2) **Dị duyên:** cầu thân với nhà quyền quý.

Lời Giải:

Bây giờ vua Lê hiển Tông đang ốm, không dạy được. Nguyễn Huệ vào châu, bày lễ đem binh diệt Trịnh phủ Lê, chứ không có dòm ngó ngôi vua. Vua Lê mừng rỡ, sai thiết triều. Nguyễn Huệ dâng sớ đình sớ điện, Hiển Tông ban khen, phong Nguyễn Huệ làm Nguyên soái Uy Quốc Công và gả công chúa Ngọc Hân cho. Chẳng bao lâu Hiển Tông hấp hối cho gọi Nguyễn Huệ vào cung để giao phó công việc. Nguyễn Huệ giữ ý cáo từ không đến. Hiển Tông mất, cháu vua là Duy Kỳ lên ngôi, đặt niên hiệu là Chiêu Thống(1787)

Trích trang 212

Bình giải:

Ngay mở đoạn tác giả đã tức tối, nhận định rất phiến diện, chủ quan, hồ đồ về nhân vật Nguyễn Huệ:

Nguy Tây vốn kẻ hung tà:

1- **Nguy Tây:** Nguyễn Huệ mang quân ra Bắc hà với chiêu bài “**Phù Lê diệt Trịnh**” rõ ràng ai cũng biết và khi vào Thăng Long **người** triều kiến vua Lê Hiển Tông và dâng sớ đình sớ điện để tỏ bày ý **tôn phù rõ ràng như nhật nguyệt** và được vua Lê phong làm **Nguyên soái Uy Quốc Công** còn được nhà vua ưu ái gả Ngọc Hân công chúa, (dân Thăng Long thường gọi công chúa là Bà Chúa Tiên), người con gái cưng của ngài vừa tài ba vừa đức độ nhất Thăng Long thành lúc bấy giờ cho, vậy hà có gì sử gia Phạm đình Toái lại giám lộng ngôn, hồ đồ, thiên vị mà gọi Nguyễn Huệ là **giặc Tây**. Hơn thế nữa, khi vua Thái Đức Nguyễn Nhạc hội kiến với vua Lê Chiêu Thống, vua Lê có tỏ ý xin cắt đất khao quân Tây Sơn nhưng Nguyễn Nhạc từ chối chỉ xin vua giữ gìn tình giao hiếu giữa Bắc và Nam.

2-**Hung Tà:** Khi đem quân đánh Trịnh, Nguyễn Huệ thắng trận, đem quân vào Thăng Long thì hành theo đúng ý nghĩa phù Lê, không hại đến cây cỏ, vật và người sao lại giám gọi là kẻ hung tà.

Mặt ngoài trung nghĩa trong lòng gian phi

3-**Gian phi:** Nhà viết sử Phạm đình Toái căn cứ vào đầu mà biết trong lòng Nguyễn Huệ gian phi (muru đồ việc gì?) hay chỉ là viết bậy viết bạ làm đẹp lòng vua tôi nhà Nguyễn nhưng thực ra là đã làm mất thiên phú của kẻ cầm bút, nhất là kẻ ấy lại là người viết sử, khiến cho hậu thế bất phục.

**Ngọc Hân vừa trạc đào hồng
Ép duyên kim cải, kết lòng sài lang**

4-**Ép duyên:** Ông Phạm Đình Toái đã là người trong đạo Khổng sân Trình, đã đậu cử nhân, làm quan đến chức án sát, rồi bỏ chánh Sơn Tây và coi việc kho, tuy nhiều lúc bị cách chức rồi lại được phục hồi, không hanh thông trên đường hoạn lộ nhưng không đến nỗi nhận định mù quáng mà cho rằng: “Việc Ngọc Hân công chúa lấy Nguyễn Huệ là việc ép duyên, “sài lang” Nguyễn Huệ “cuồng duyên” người đẹp Ngọc Hân”
Quan án sát Phạm Đình Toái quên rằng, ngày xưa việc dựng vợ gả chồng cho con cái ở nước ta là do cha mẹ hai bên đồng thuận, có mai mối đưa duyên, Cha mẹ đặt đâu con ngồi đó. Đó là phong tục tập quán của dân ta. Dù là con vua cũng không ngoại lệ. Ngọc Hân lấy Nguyễn Huệ có mai mối đưa duyên là Nguyễn hữu Chính. Nguyễn Huệ cầu hôn được vua Lê Hiển Tông chấp thuận và đứng làm chủ hôn. Đám cưới linh đình có hai họ tham dự, lễ nghi đầy đủ, tổ tiên hai họ chứng giám, các quan triều thần chúc mừng, yến tiệc thâu đêm suốt sáng, cả kinh thành đều hân hoan sao lại gọi là ép duyên

Hơn thế nữa mối tình “Ngọc Hân, Nguyễn Huệ” là mối tình vương giả đầy thi tứ, lãng mạn vang danh sử sách, nếu nhà thơ kiêm nhà viết sử Phạm đình Toái đọc được bài “**Ái Tử Văn**” của công chúa Ngọc Hân, tức Bắc Cung Hoàng Hậu triều đại Quang Trung khóc chồng là vua Quang Trung, khi ngài băng hà, mà ông không xúc động, không rơi lệ, không đồng cảm được những tiếng nấc nở, những âm thanh rên rỉ, ghen ngào, lên xuống theo hoài niệm thương yêu, luyến tiếc, ẩn trong lời thơ, nét họa, cho mối tình mới nở đã tàn thì ông, chẳng phải là người biết thưởng thức vẻ đẹp của thiên nhiên, của nhân sinh mà ông cũng chỉ là người vô cảm, vô hồn đến nổi nghĩ là cặp vợ chồng Ngọc Hân Nguyễn Huệ là bị ép duyên:

5-**Mở đầu bài “Ái Tử Văn”, bà Ngọc Hân viết:**

Gió hiu hắt, phòng tiêu lạnh lẽo
Trước thềm lan, hoa héo ron ron
Cầu Tiên tỏa khói đỉnh non
Xe rồng thăm thẳm, bóng loan dàu dàu

Rồi bà kể đến kẻ Bắc người Nam mà lại có sự ngẫu hợp kỳ diệu đó là Nghĩa Tôn Phù” tuyệt vời:

Từ cờ thắm, trở vờ cõi Bắc
Nghĩa tôn phù, vắng vặc bóng dương

*Rút dây, vâng lệnh phụ hoàng
Thuyền lan chèo quế, thuận đàng vu quy
Trăm ngàn dặm, quân chi non nước
Chữ nghi gia, mừng được phải duyên
Sang yêu, muôn đội ơn trên
Rõ ràng về thúy, nói chen tiếng cầm*

Giữa lúc tình đang nồng, duyên đang thắm, chữ trăm năm là chuyện thường tình, nào ngờ đâu tang thương biến đổi:

*Những ao ước, trập trùng tuổi hạc
Nguyện trăm năm, ngộ được vầy vui
Nào hay, sông cạn, bể vùi
Lòng trời giáo gió, vận người biệt ly*

Rồi mơ ước có người từ cõi đó trở về để hỏi tin người chồng quân vương yêu quý:

*Có ai, chốn ấy về đây
Nguồn cơn xin hỏi, cho hay được đành?
Nẻo u minh, khéo chia đôi ngã
Nghĩ đòi phen, nồng nã đòi phen
Kiếp này, chưa trọn chữ duyên
Ước xin kiếp khác, vẹn tròn lửa hương*

Bà nghĩ đến công đức của vua Nghiêu, vua Thuấn và của Văn, Vũ vương nhà Chu bên Tàu, sao mà tạo hoá lại biệt đãi họ sống lâu đến thế, còn người “anh hùng áo vải cờ đào” cũng có công dựng nước, cũng xây dựng nền độc lập cho dân tộc mà lại chịu thiệt thòi, bạc đãi đến thế.

Ở đây chúng ta phải hiểu thâm ý của bà Ngọc Hân muốn nói cái hoài bão, cái mộng tưởng của người chồng thiên tài tuyệt thế và vô cùng mến yêu của mình là ngài muốn sánh mình ngang hàng với Nghiêu Thuấn, Văn, Vũ nhà Chu bên Tàu, chứ không chịu làm một ông vua chư hầu mãi mãi thần phục anh “Thiên Triều” láng giềng khổng lồ phương Bắc!

*Nghe trước có, đấng vương Thang, Võ
Công nghiệp nhiều, tuổi thọ thêm cao
Mà nay, áo vải cờ đào
Giúp dân dựng nước, biết bao công trình
Nghe rành rành, trước vua Nghiêu, Thuấn
Công nghiệp nhiều, ngự vận càng lâu
Mà nay, lượng cả ân sâu
Móc mưa tưới khắp, chín châu đượm nhuần*

Bà oán trách tạo hóa bất công, người công lớn, đức dày, nghĩa cả đến thế, người có công đánh đuổi 20 vạn quân Thanh dành độc lập cho nước, đem hạnh phúc, thanh bình thịnh trị cho dân, sao mà phải chịu cảnh biệt ly sớm thế?!

*Công đường ấy, mà nhân đường nấy
Cõi thọ sao, hẹp bấy hoá công?*

Rộng cho, chuộc được tuổi rồng
Đổi thân ắt hẳn, bỏ lòng tôi người
Buồn thay nhẽ, sương rơi gió lọt
Cảnh điêu huu, thánh thót mưa sa
Tưởng lời, di chúc thiết tha
Khóc nào lên tiếng, thức mà cũng mê

Con thì còn nhỏ dại, phận mình vô võ phòng không, cô đơn lạnh lẽo

Gót lân chi, mấy hàng lẫm chẫm
Đầu mũ mao, mình tấm áo gai
U ơ ra trước sân đài
Tưởng quang cảnh ấy, chua cay lòng này

Rồi thân phận sẽ ra sao!

Lênh đênh, chút phận bèo mây
Duyên kia đã vậy, thân này nương đâu
Trần trọc luống, đêm thâu ngày tối
Biết cậy ai, đẹp nỗi bi thương
Trông mong, luống những mơ màng
Mơ hồ bằng mộng, bàng hoàng như say
Khi trận gió, heo may thấp thoáng
Ngõ hương trời, băng lãng còn đâu
Vội vàng, sửa áo lên châu
Thương ôi, quạnh quẽ, trước lầu nhện giăng

Cảnh ly biệt, nhiều phen bát ngát
Mạch sâu tuôn, ai tát cho vơi?
Càng trông, càng thấy xa vời
Tắm lòng thấm thiết, chín trời biết chẳng?

Chữ tình nghĩa, trời cao đất rộng
Nỗi đoạn trường, càng sống càng đau
Mấy lời, tâm sự trước sau
Đôi vầng nhật nguyệt, trên đầu chứng cho
Lê Ngọc Hân (1770-1799)

Quang Trung đại phá quân Thanh:

Quân Thanh đã được Thăng Long
Một hai rằng thế, là xong việc mình
Dùng dằng, chẳng chịu tiến binh
Nhác đường phòng thủ, mống tình dãi hoang
Nguy Tây nghe tiếng sơ phòng
Giả đường tạ tội, quyết đường cắt quân
Dậm trang, nào có ai ngăn
Thừa hư tiến bực, đến gần Thăng Long
Trực khu, đến lũy Nam Đồng

Quan Thanh đầu máy, anh hùng mà đang

Vua Lê, khi ấy vội vàng

Cùng Tôn Sĩ Nghị, sang đàng Bắc Kinh

Qua sông, lại sợ truy binh

Phù kiêu chém đứt, dân mình thác oan

Câu : 1991-2004

Lời giải:

Tướng nhà Lê lại lên, nhiều người quay về theo vua Lê Chiêu Thống, nhưng vua không dung ai, chỉ dựa vào thế lực nhà Thanh. Văn thư nhà vua đều đề niên hiệu Càn Long (nhà Thanh) và mỗi buổi chiều xong, vua lại đi bộ sang dinh Sĩ Nghị để châu chực, Sĩ Nghị sử dụng lại rất khinh bạc. Trong chiều thì vua tôi chỉ nghĩ đến báo ơn báo oán, giết hại người trước đã đi theo Tây Sơn. Dân gian chán nản mất cả trông cậy vào nhà Lê.

Trích trang 224

Lời Bình:

Đoạn văn trên, ta nhận thấy tác giả ĐNQSĐC có ý lờ đi những chiến công oanh liệt của vua Quang Trung, lời văn lúc nào cũng cố ý ca tụng **quân Thanh là anh hùng** dù rằng 20.000 quân bị tan nát: **Quan Thanh đầu máy anh hùng mà đang.**

Phạm đình Toái nở lòng nào làm ngơ làm điếc trước tình hình quá hung hiểm của đất nước trong thời gian quân Thanh được Lê Chiêu Thống mời về để thống trị dân ta. Trong lúc đó Nguyễn Huệ chỉ là Bắc bình Vương, đóng ở Phú Xuân với nhiệm vụ giữ biên cương ngăn ngừa quân Bắc Hà, dưới quyền của vua Thái Đức Nguyễn Nhạc, nhưng vì lòng yêu nước thiết tha ngài không ngại gian nan khổ cực, nước xa không cứu được lửa gần, quân ít, quân trang quân dụng và vũ khí đều thiếu thốn, nhất là tình hình chiến sự thật quả là thiên nan vạn nan, một mình ngài phải đối phó với ba mặt trận cùng lúc:

1. Quân Thanh vào Thăng Long được sự mời mọc và sự cộng tác triệt để của vua quan Lê Chiêu Thống, thế như vũ bão.

2. Quân Nguyễn phúc Ánh cùng với quân Xiêm, Pháp, Bồ Đào Nha đang uy hiếp quân của Nguyễn Lữ rất gắt, Nguyễn Lữ lại tự ý rút quân về Quy Nhơn mặc cho Tướng Phạm văn Tham một mình chống giữ. Tướng Phạm văn Tham đành cấp báo với Nguyễn Huệ và xin viện binh.

3. Vua Thái Đức với Nguyễn Huệ vừa mới giảng hoà, nhưng Nguyễn Nhạc vẫn sợ ông em có nhị tâm, cho nên lúc nào cũng đề phòng.

Chúng ta thấy rõ ràng, hai mặt trận Bắc và Nam đều quan trọng, quyết định số phận của Nguyễn Huệ cũng là số mệnh của dân tộc Việt Nam. Nếu không giải quyết được mặt trận phía Bắc trong mười ngày như dự tính thì tướng Phạm văn Tham không giữ nổi Gia Định, quân Nguyễn Ánh sẽ thừa thế tràn đến Phú Xuân và đánh tập hậu quân vua Quang Trung đồng thời cầu hòa và chia đất với Tôn Sĩ Nghị.

Khi Nguyễn Nhạc biết tin, Nguyễn Huệ xưng đế, hiệu là Quang Trung ở Phú Xuân, vì ham nghiệp vua, Nguyễn Nhạc có thể cho một đạo quân đánh úp phía sau quân Quang Trung, làm giảm lực tiến quân và chặn đường về của Quang Trung. Việc này có thể xảy ra vì trước đây khi Nguyễn Huệ mang quân ra bắc lần thứ nhất, đề "**phù Lê diệt Trịnh**" được vua Lê Hiển Tông phong làm Nguyên soái Uy Quốc Công và gả Ngọc Hân công chúa cho. Khi được tin này, Nguyễn Nhạc đã cấp tốc mang 500 quân bí mật đi ngày đêm ra bắc gọi Nguyễn Huệ về, sợ ông em ở lại bắc làm vua làm chúa vượt khỏi vòng kiểm

tỏa của mình. Về đến Quy Nhơn, Nguyễn Nhạc lập tức phong cho Nguyễn Huệ làm Bắc Bình Vương để vượt ve, an ủi chú em khó tính, Nguyễn Lữ là Đông Định Vương, còn mình là trung ương hoàng đế. Nhưng vẫn sợ bóng sợ gió “chú em” nên cho vời về triều kiến nhiều lần đều bị Nguyễn Huệ từ chối lấy cớ bận viện quân. Có lẽ người mưu lược bẩm sinh như Nguyễn Huệ đã thấy rõ kế của ông anh muốn đoạt binh quyền của mình nên không tuân lệnh triệu hồi, do đó Nguyễn Nhạc mới đem quân vẫn tội em và đã bị Nguyễn Huệ đánh thua, phải khóc mà xin hòa.

Cho nên, trước hết, Nguyễn Huệ phải quyền biến, vượt ra khỏi cái uy quyền hạn chế của một viên tướng biên phòng do ông anh phong cho mà quyết định lên ngôi vua, **lấy thế chính danh làm trọng**, mộ lính để mang quân ra **Bắc đánh đuổi ngoại xâm là tiên quyết**, đồng thời cho người báo cho **tướng Phạm văn Tham cố thủ thành chờ** ngài thanh toán bọn giặc Mãn Thanh xong sẽ vào Gia Định đánh tan quân Nguyễn Ánh chỉ trong một thời gian rất ngắn. Và đạo quân của Nguyễn Nhạc dù có thì cũng **chưa kịp xuất quân đã bị giải tán**, vì tin thắng trận Đống Đa, Hạ Hồi đã làm rúng động dư luận và đã đến tai Thái Đức hoàng đế.

Chỉ có thiên tài dụng binh thần tốc, vô tiền khoáng hậu của vua Quang Trung mới giải quyết chiến trường trong một thời gian kỷ lục 8 ngày, trước thời hạn dự tính là hai ngày. Chỉ có bậc kỳ tài trị quốc an dân ngàn năm chưa thấy như Quang Trung mới điều binh ung dung nhàn hạ, chủ động được mọi diễn biến của chiến trường, tính được thế tất thắng như người lấy đồ trong túi. Hơn thế nữa quân mới đến núi Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình gặp được Ngô thời Nhậm, người đã cho lệnh rút quân về Tam Điệp để bảo toàn lực lượng, cũng như là tạo cho địch thế “kiêu binh, khinh địch”, ngài đã ra lệnh “chuẩn bị nghị hoà với thế thượng phong với địch quân”.

*Ngài vừa là **tướng thiện chiến tài ba** trên chiến địa, kém gì Phạm Lãi tướng nước Việt đời Đông Chu, ngài cũng là **quân sư đầy mưu trí**, điều binh ung dung nhàn hạ lỗi lạc, nhiều sáng kiến độc đáo, nào kém gì Phạm Lãi, Trương Lương, Gia Cát Khổng Minh. Ngài cũng là **nhà cai trị, có phương pháp tiên tiến, tâm kỳ, có đức độ hiếm có, kém gì Nã phá luân nước Pháp.***

Nhưng tiếc thay ngài về mệnh nên dân ta mới chịu cơ cực như ngày nay.

Nói tóm lại, cuốn ĐNQSĐC của Lê Ngô Cát và Phạm đình Toái còn nhiều chỗ bất cập, thiếu sót, chủ quan, quá thiên vị triều đình nhà Nguyễn. Những cuộc hành quân của vua Quang Trung vào Gia Định mấy lần phá tan liên quân Nguyễn Phúc Ánh, Xiêm La, Pháp và Bồ Đào Nha tan tành, đến nỗi Nguyễn phúc Ánh phải lẩn trốn ở những đảo nhỏ hẻo lánh như đảo Phú Quốc.. hàng tuần không có một hạt cơm vào bụng, phải đào củ chuối, bắt rắn rết mà ăn, đều không được Phạm đình Toái ghi chép lấy một vài chữ, nhưng có kết thúc trận chiến bằng câu thơ:

Bình Tây nhờ Thánh triều ta

Kẻ gần an chốn, người xa tìm về

Thưa quý vị,

Vua Quang Trung có công đánh đuổi ngoại xâm dành độc lập cho dân tộc mà bị người ta trả đũa đến nỗi xương bị nghiền nát trộn với thuốc súng, sợ bị làm đồ đựng nước tiểu, vợ con tổ tiên giòng họ bị tuyệt diệt, danh bị bêu riếu ghi trong sử sanh **là giặc, là cùn** **hung cực ác**, thật thảm thương thay, có lẽ trong lịch sử nước nhà, chưa có giòng vua nào mà bị trả thù tàn nhẫn vô nhân đạo đến như thế.

Thưa quý vị,

*Chúng ta những kẻ hậu sinh, đã đến lúc phải đòi hỏi lịch sử phải trả lại **những gì của ngài, phải trả lại cho ngài**, một đại anh hùng, một đại hào kiệt, một đại hoàng đế tuyệt vời của dân tộc Việt. Chúng ta phải vẫn đòi **tinh thần bất khuất, tự lực tự cường của Quang Trung**, để quyết đánh thắng bọn bành trướng Bắc Kinh hiện tại và mai sau, cũng như chúng ta đòi hỏi ngay quyền Hà Nội phải tức khắc chấm dứt mọi tuyên truyền, sáo trá, sách mé, vô lễ, ngang ngược gọi chúng ta là **nguy dân, nguy quân, nguy quyền**, rồi tiếp đến **khúc ruột xa ngàn dặm, đũa giả và bịp bợm**, mà phải gọi chúng ta là **những người Việt Nam yêu nước Việt Nam, yêu tự do, dân chủ, độc lập cho Việt Nam**.*

Trân trọng cảm ơn quý vị.
DƯƠNG THANH PHONG.
13-12-2009

